

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ

Số: 41 /ĐH-DN

(v/v: CBTT BCTC năm 2024)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY
CỔ PHẦN
SÁCH ĐẠI
HỌC - DẠY
NGHỀ

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ
DN: C=VN, L=Số 187B phố Giảng Võ,
Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành
phố Hà Nội, Việt Nam,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0101517669, O=CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ,
E=thuedoanhnghiepkt@gmail.com,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI
HỌC - DẠY NGHỀ
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025-03-28 15:55:28
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.0

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ**
- Mã chứng khoán: **HEV**
- Địa chỉ giao dịch: 187B Giảng võ - Quận Đống Đa - TP Hà Nội
- Điện thoại 024.3971.7189 Fax: 024.3971.7189
- Người thực hiện công bố thông tin: Trần Đình Hoàng – Giám đốc
- Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
- Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo tài chính năm 2024 gồm:

Bảng cân đối kế toán;

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo tài chính

- Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin: www.hevobooks.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu HC.



Trần Đình Hoàng



**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11/06/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28/07/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/06/2024.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2024: 10.000.000.000 đồng.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 187B Phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 243.9718437
- Fax: (84) 243.9718437
- Website: <http://www.hevobooks.com>
- Email: info@hevobco.com.vn - admin.hevobooks.com

Ngành nghề kinh doanh chính

In ấn, bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 15 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|---------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Công Dũng | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 05/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Bích Ngọc | Ủy viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 24/04/2023 |
| • Bà Tạ Thị Thanh Huyền | Ủy viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 24/04/2023 |
| • Bà Nguyễn Thị Hữu | Ủy viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 05/04/2022 |
| • Ông Đặng Trần Bảo Tín | Ủy viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 05/04/2022 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

• Bà Trần Thị Thu Thủy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24/04/2023
• Ông Phạm Gia Huân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/04/2022
• Ông Nguyễn Hoàng Đức Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/04/2024
• Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2023 Miễn nhiệm ngày 26/04/2024

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Trần Đình Hoàng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/03/2023
• Bà Trần Thị Phương Lan	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 03/05/2021 Nghỉ hưu ngày 31/12/2024
• Ông Trần Trọng Tiến	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 31/01/2018 Miễn nhiệm ngày 29/02/2024
• Bà Vũ Bích Thạnh	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 01/07/2024
• Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 01/03/2023 Miễn nhiệm ngày 01/07/2024

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 (Lô 78-80) Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 514/2025/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 27/03/2025 của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Đỗ Thị Phượng Thủy – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2024-010-1

140
C
T.
170
A
14

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.723.567.738	12.761.852.904
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.771.133.329	1.443.235.937
1. Tiền	111		1.291.133.329	1.443.235.937
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.480.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.568.000.000	4.047.445.023
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	6.568.000.000	4.047.445.023
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.435.711.460	1.568.824.802
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.295.457.449	1.326.851.879
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	160.500.000	284.787.579
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	168.487.857	145.919.190
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(188.733.846)	(188.733.846)
IV. Hàng tồn kho	140	11	4.935.955.283	5.679.674.642
1. Hàng tồn kho	141		6.004.141.381	6.905.685.116
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.068.186.098)	(1.226.010.474)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.767.666	22.672.500
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	12.767.666	22.672.500
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		513.661.162	955.562.928
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	22.176.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	22.176.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		453.593.402	655.190.468
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	453.593.402	655.190.468
- Nguyên giá	222		1.209.582.400	1.315.932.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(755.988.998)	(660.741.932)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		60.067.760	278.196.460
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	60.067.760	278.196.460
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		20.237.228.900	13.717.415.832

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.166.964.104	848.635.878
I. Nợ ngắn hạn	310		7.166.964.104	848.635.878
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	6.453.797.216	580.207.491
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	469.081.369	10.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	82.182.726	64.008.144
4. Phải trả người lao động	314		144.844.000	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	17.034.730	98.596.180
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		24.063	95.824.063
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.070.264.796	12.868.779.954
I. Vốn chủ sở hữu	410		13.070.264.796	12.868.779.954
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	962.203.411	962.203.411
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	218.061.385	16.576.543
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.576.543	1.775.555.104
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		201.484.842	(1.758.978.561)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		20.237.228.900	13.717.415.832



Trần Đình Hoàng

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Phụ trách kế toán

Vũ Bích Thạnh

Người lập biểu

Vũ Bích Thạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	24.741.368.045	15.584.587.903
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		24.741.368.045	15.584.587.903
4. Giá vốn hàng bán	11	21	20.396.141.898	12.407.999.809
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		4.345.226.147	3.176.588.094
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	277.086.121	224.643.141
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	23.a	1.258.155.505	1.474.909.885
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23.b	3.169.070.672	3.471.276.209
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		195.086.091	(1.544.954.859)
11. Thu nhập khác	31		10.000.000	10.873.669
12. Chi phí khác	32		3.601.249	224.897.371
13. Lợi nhuận khác	40		6.398.751	(214.023.702)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		201.484.842	(1.758.978.561)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		201.484.842	(1.758.978.561)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	201	(1.759)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	25	201	(1.759)



Trần Đình Hoàng

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Phụ trách kế toán

Vũ Bích Thạnh

Người lập biểu

Vũ Bích Thạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		23.249.111.896	15.602.631.537
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(16.264.872.898)	(13.481.403.203)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.044.718.920)	(2.359.184.333)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	-	(268.189.544)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.273.359.693	429.672.269
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(623.766.230)	(1.139.689.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.589.113.541	(1.216.163.149)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		10.000.000	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.068.000.000)	(3.547.445.023)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6	5.547.445.023	4.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,22	249.338.828	177.421.118
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.261.216.149)	1.129.976.095
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18	-	(1.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(1.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.327.897.392	(1.486.187.054)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	1.443.235.937	2.929.422.991
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	4.771.133.329	1.443.235.937



Trần Đình Hoàng

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Phụ trách kế toán

Vũ Bích Thạnh

Người lập biểu

Vũ Bích Thạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11/06/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28/07/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/06/2024.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: In ấn, bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí công in, nhuận bút, phí quản lý xuất bản, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên chi phí công in.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Phí quản lý xuất bản, phí đấu thầu bản thảo trả trước cho các sách chưa in được phân bổ căn cứ vào số lượng sách in nhập kho;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.9 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.10 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm.

4.11 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.12 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.13 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Các loại sách cho đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%;
Năm 2024, Công ty áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% đối với các mặt hàng này theo quy định tại Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 và Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	51.975.578	27.135.370
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.239.157.751	1.416.100.567
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	3.480.000.000	-
Cộng	4.771.133.329	1.443.235.937

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại trên 3 tháng và không quá 12 tháng	6.568.000.000	6.568.000.000	4.047.445.023	4.047.445.023
Cộng	6.568.000.000	6.568.000.000	4.047.445.023	4.047.445.023

Tại thời điểm 31/12/2024, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	1.671.848.813	-
Công ty CP Hàng không Tre Việt	651.246.000	730.158.800
Các đối tượng khác	972.362.636	596.693.079
Cộng	3.295.457.449	1.326.851.879

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư	10.673.389	25.795.000
Cộng		10.673.389	25.795.000

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH In Nhật Hàn	160.500.000	160.500.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội (Bên liên quan)	-	124.287.579
Cộng	160.500.000	284.787.579

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	26.283.149	-	41.604.016	-
Lãi dự thu	132.062.467	-	104.315.174	-
Các khoản khác	10.142.241	-	-	-
Cộng	168.487.857	-	145.919.190	-

10. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	Năm 2024	Năm 2023
Số đầu kỳ	188.733.846	315.718.381
Hoàn nhập trong kỳ	-	1.010.900
Xóa nợ đã trích dự phòng	-	125.973.635
Số dự phòng cuối kỳ	188.733.846	188.733.846

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Nợ xấu

	31/12/2024		01/01/2024		Thời gian quá hạn	Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		
Phải thu khách hàng						
- Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Đắk Nông	39.476.625	-	39.476.625	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Ninh Thuận	30.000.386	-	30.000.386	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	125.016.835	5.760.000	125.016.835	5.760.000	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	194.493.846	5.760.000	194.493.846	5.760.000		

11. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.482.368	-	331.047.791	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.869.278	-	-	-
Thành phẩm	5.585.988.864	(1.053.739.297)	5.690.784.054	(1.211.563.673)
Hàng hóa	371.800.871	(14.446.801)	883.853.271	(14.446.801)
Cộng	6.004.141.381	(1.068.186.098)	6.905.685.116	(1.226.010.474)

- Giá trị các loại sách chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2024 là 3.458.817.965 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch tìm kiếm khách hàng, tăng tỷ lệ chiết khấu để tiêu thụ các loại sách này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2024.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Phí quản lý xuất bản	-	3.132.500
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	12.767.666	19.540.000
Cộng	12.767.666	22.672.500

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	60.067.760	273.863.960
Phí đấu thầu bản thảo	-	4.332.500
Cộng	60.067.760	278.196.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	1.315.932.400	1.315.932.400
Mua sắm trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	106.350.000	106.350.000
Số cuối kỳ	1.209.582.400	1.209.582.400
Khấu hao		
Số đầu kỳ	660.741.932	660.741.932
Khấu hao trong kỳ	201.597.066	201.597.066
Giảm trong kỳ	106.350.000	106.350.000
Số cuối kỳ	755.988.998	755.988.998
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	655.190.468	655.190.468
Số cuối kỳ	453.593.402	453.593.402

- Không có tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2024.
- Không có TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Thương mại In Nhật Nam	4.804.789.752	-
Công ty CP In Phúc Yên	668.487.306	125.024.977
Các đối tượng khác	980.520.158	455.182.514
Cộng	6.453.797.216	580.207.491

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	9.818.182	9.400.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư	33.787.364	-
Cộng		43.605.546	9.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Công nghệ Giáo dục AES	300.000.000	-
Công ty CP Cao Trần	109.183.200	-
Các đối tượng khác	59.898.169	10.000.000
Cộng	469.081.369	10.000.000

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	15.711.384	101.445.164	53.862.600	63.293.948
Thuế thu nhập cá nhân	48.296.760	45.239.241	74.647.223	18.888.778
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí và lệ phí	-	3.513.246	3.513.246	-
Cộng	64.008.144	153.197.651	135.023.069	82.182.726

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	17.034.730	82.956.055
Phải trả khác	-	15.640.125
Cộng	17.034.730	98.596.180

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2023	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	3.175.555.104	16.027.758.515
Tăng trong kỳ	-	-	-	(1.758.978.561)	(1.758.978.561)
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000
Số dư tại 31/12/2023	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	16.576.543	12.868.779.954
Số dư tại 01/01/2024	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	16.576.543	12.868.779.954
Tăng trong kỳ	-	-	-	201.484.842	201.484.842
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	218.061.385	13.070.264.796

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2024	Năm 2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức đã chia	-	1.400.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	16.576.543	3.175.555.104
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	201.484.842	(1.758.978.561)
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (chia cổ tức)	-	1.400.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	218.061.385	16.576.543

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty TNHH Thương mại Văn hóa Nam Việt	565.679.294	Khách hàng đã phá sản
Ông Ma Doãn Ngoại (Sở Giáo dục Đào tạo Bắc Kạn)	45.446.334	Nợ không thu hồi được
Công ty CP Việt Thường - Nhà sách Cào Thơm	50.234.301	Nợ không thu hồi được
Nhà sách Tiến Thọ	30.293.000	Nợ không thu hồi được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu sách các loại	8.307.075.089	12.845.681.018
Doanh thu khác	16.434.292.956	2.738.906.885
Cộng	24.741.368.045	15.584.587.903

21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn sách các loại	4.727.452.783	9.302.690.626
Giá vốn khác	15.826.513.491	2.430.356.057
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(157.824.376)	674.953.126
Cộng	20.396.141.898	12.407.999.809

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	277.086.121	224.643.141
Cộng	277.086.121	224.643.141

23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân công	768.473.150	503.691.180
Chi phí bốc xếp, vận chuyển hàng tiêu thụ	101.743.075	166.088.822
Chi phí thuê kho, cửa hàng	254.016.000	421.408.000
Các khoản khác	133.923.280	383.721.883
Cộng	1.258.155.505	1.474.909.885

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân công	1.795.651.810	1.795.978.670
Chi phí khấu hao TSCĐ	201.597.066	201.597.066
Chi phí thuê nhà	263.920.703	421.928.050
Các khoản khác	907.901.093	1.051.772.423
Cộng	3.169.070.672	3.471.276.209

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	201.484.842	(1.758.978.561)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(201.484.842)	838.751.944
- Điều chỉnh tăng	273.601.249	838.751.944
+ Chi phí không được trừ	3.601.249	581.905.944
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	270.000.000	256.846.000
- Điều chỉnh giảm (Chuyển lỗ)	475.086.091	-
Tổng thu nhập chịu thuế	-	(920.226.617)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

25. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	201.484.842	(1.758.978.561)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	201.484.842	(1.758.978.561)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	201	(1.759)

26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	325.675.391	30.214.115
Chi phí nhân công	2.564.124.960	2.299.669.850
Chi phí khấu hao tài sản cố định	201.597.066	201.597.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.708.654.239	10.968.848.956
Chi phí khác bằng tiền	571.762.483	594.420.214
Cộng	24.371.814.139	14.094.750.201

27. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận theo nhóm sản phẩm	Sách Đại học dạy nghề và xuất bản phẩm		In Lịch		Hàng hóa, dịch vụ khác		Tổng cộng	
	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu	8.307.075.089	12.845.681.018	15.480.081.600		954.211.356	2.738.906.885	24.741.368.045	15.584.587.903
Giá vốn hàng bán	4.569.628.407	9.977.643.752	14.829.598.000		996.915.491	2.430.356.057	20.396.141.898	12.407.999.809
Lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm	3.737.446.682	2.868.037.266	650.483.600	-	(42.704.135)	308.550.828	4.345.226.147	3.176.588.094
Các khoản không phân bổ								
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	1.258.155.505	1.474.909.885
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	3.169.070.672	3.471.276.209
Doanh thu tài chính	-	-	-	-	-	-	277.086.121	224.643.141
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	195.086.091	(1.544.954.859)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	10.000.000	10.873.669
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	3.601.249	224.897.371
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-	-	6.398.751	(214.023.702)
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	201.484.842	(1.758.978.561)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	-	-	-	-	-	201.484.842	(1.758.978.561)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ và các khoản đi vay nên Công ty không chịu rủi ro về tỷ giá, lãi suất. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn chiếm phần lớn trong giá vốn hàng bán nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí. Đối với hàng hóa mua từ nhà cung cấp để bán trực tiếp, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp chính và theo dõi sát sao thị trường để giảm thiểu rủi ro về sự biến động của giá mua hàng hóa.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau; Hơn nữa, khách hàng của Công ty là các Công ty Sách lớn hoặc Bộ Giáo dục, các Trường Đại học. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty cũng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>31/12/2024</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	6.453.797.216	-	6.453.797.216
Cộng	6.453.797.216	-	6.453.797.216

<u>01/01/2024</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	580.207.491	-	580.207.491
Phải trả khác	15.640.125	-	15.640.125
Cộng	595.847.616	-	595.847.616

Ban Giám đốc cho rằng Công ty kiểm soát được rủi ro thanh khoản và có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2024</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.771.133.329	-	4.771.133.329
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.568.000.000	-	6.568.000.000
Phải thu khách hàng	3.106.723.603	-	3.106.723.603
Phải thu khác	168.487.857	-	168.487.857
Cộng	14.614.344.789	-	14.614.344.789

<u>01/01/2024</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.443.235.937	-	1.443.235.937
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.047.445.023	-	4.047.445.023
Phải thu khách hàng	1.138.118.033	-	1.138.118.033
Phải thu khác	145.919.190	22.176.000	168.095.190
Cộng	6.774.718.183	22.176.000	6.796.894.183

29. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

	Giao dịch	Năm 2024	Năm 2023
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Bán sách xuất bản	234.005.367	88.298.067
Nhà xuất bản giáo dục tại TP Đà Nẵng	Bán tem chống giả	162.925.000	-
Nhà xuất bản giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Bán sách và tem	185.705.000	-
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí quản lý xuất bản	99.562.710	203.949.022
	Dịch vụ khác	301.577.341	305.055.940
Giao dịch khác			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Trà cổ tức	-	304.220.000

c. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	Chức danh	Nội dung	Năm 2024	Năm 2023
Ông Nguyễn Công Dũng	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	60.000.000	61.500.000
Bà Nguyễn Bích Ngọc	Ủy viên HĐQT	Thù lao	42.000.000	42.000.000
Bà Tạ Thị Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT	Thù lao	42.000.000	28.846.000
Bà Nguyễn Thị Hữu	Ủy viên HĐQT	Thù lao	42.000.000	42.000.000
Bà Đặng Trần Bảo Tín	Ủy viên HĐQT	Thù lao	42.000.000	42.000.000
Bà Trần Thị Thu Thủy	Trưởng BKS	Thù lao	42.000.000	38.242.000
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Thành viên BKS	Thù lao	10.000.000	20.604.000
Ông Phạm Gia Huấn	Thành viên BKS	Thù lao	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Đức Việt	Thành viên BKS	Thù lao	20.000.000	-
Ông Trần Đình Hoàng	Giám đốc	Lương, thưởng	228.720.000	219.321.450
Ông Trần Trọng Tiến	Phó Giám đốc	Lương, thưởng	21.380.000	160.564.400
Bà Trần Thị Phương Lan	Phó Giám đốc	Lương, thưởng	134.280.000	167.809.400

30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

31. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi



Trần Đình Hoàng

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Phụ trách kế toán

Vũ Bích Thạnh

Người lập biểu

Vũ Bích Thạnh